

Bản án số: 90/2024/DS-PT

Ngày: 13 - 05 - 2024

V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Bích Thủy

Ông Lê Viết Hoà

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Lê Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên

Trong các ngày 16/4/2024, 06/5/2024 và 13/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 289/2023/TLPT-DS ngày 06/12/2023 về “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐPT-DS ngày 22/02/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lữ Thị T, sinh năm 1949; cư trú tại: Tổ 8, Khu phố TL, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà T: Ông Đỗ Hiền N – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH N – Danh; địa chỉ: 231/96 DBT, phường 1, quận B, T3 phố Hồ Chí Minh (có mặt);

* *Bị đơn:* Ông Lữ Văn T1, sinh năm 1943; địa chỉ cư trú: Tổ 8, khu phố TL, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (đã chết năm 2020);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Lữ Thị Thu T2, sinh năm 1972; trú tại: 378C, tổ 19, khu 1B, trị trấn CB, huyện CB, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lữ Văn T1 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lữ Thị Thu V, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Tổ 1, khu phố 5, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt);

2. Bà Lữ Thị Kim H, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Tổ 1, khu phố 5, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt);

3. Ông Lữ Minh H1, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 6, khu phố 9, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt);

4. Bà Lữ Thị H2, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp 4, xã ML, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt);

5. Ông Lữ Minh C, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ 2, khu phố 5, phường TT, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt);

6. Ông Lữ Minh Q, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 1, khu phố 5, phường TT, thị xã C, tỉnh Bình Phước (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lữ Minh Q: Luật sư Trần Hoà A – Văn phòng Luật sư HM ; địa chỉ 491, Quốc lộ A, Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt);

7. Bà Lữ Thị H3, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp 4, xã ML, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt);

8. Bà Lữ Thị C1, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố 3, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (đã chết ngày 17/6/2022).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lữ Thị C1:

+ Ông Trần Văn T3, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố 3, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt);

+ Bà Trần Thị Thanh T4, sinh năm 2001; địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố 3, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt);

+ Ông Trần Văn T5, sinh năm 2004; địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố 3, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác: Bà Trần Thị Ngọc H4, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 1, khu phố 5, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Người kháng cáo: người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lữ Văn T1 đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lữ Minh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - nguyên đơn bà Lữ Thị T trình bày:

Cụ ông Lữ Văn C2, sinh năm 1916 (1918), chết năm 1974 và cụ bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1923, chết ngày 15/8/1989 sinh được 03 người con, gồm bà Lữ Thị T, ông Lữ Văn T1, ông Lữ Văn K1 (chết năm 1972). Ngoài ra, không còn con ruột, con nuôi nào khác. Ông bà nội, ngoại của bà T cũng đã chết rất lâu, không nhớ năm nào. Khi cụ ông Lữ Văn C2 và cụ bà Nguyễn Thị K chết không để lại di chúc, có để lại di sản thừa kế là thửa đất có diện tích 399,5m² thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn C,

huyện C (nay là khu phố 5, phường HL, thị xã C), tỉnh Bình Phước, cho đến khi cụ bà Nguyễn Thị K chết thì thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi còn sống thì ông Lữ Văn T1 sống chung cùng với cha, mẹ. Đến năm 2009 thì ông Lữ Văn T1 đã kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất này và quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay. Sau khi phát hiện, bà T đã làm đơn khiếu nại và UBND huyện C (nay là UBND thị xã C) đã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lữ Văn T1.

Nay, bà Lữ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế là thửa đất có diện tích 399,5m² thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn C, huyện C (nay là khu phố 5, phường HL, thị xã C), tỉnh Bình Phước, bà T yêu cầu được chia đất là 130,72m², trong đó có 100m² đất thổ cư (chiều ngang 04m, chiều sâu 32,68m) trong tổng diện tích đất cha mẹ để lại. Bà T yêu cầu được nhận bằng tài sản.

2. Bị đơn ông Lữ Văn T1 trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lữ Thị Thu T2 trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa trình bày:

Bà Lữ Thị Thu T2 là con của ông Lữ Văn K1, sinh năm 1946, chết năm năm 1972 và bà Nguyễn Thị Thu C3, sinh năm 1953. Ông K1 và bà C3 kết hôn 1972, đến 20/10/1972 thì bà C3 sinh bà Lữ Thị Thu T2, khi ông K1 chết thì bà T2 chưa được sinh ra. Ngoài ra, ông K1 không còn người con nào khác. Ông K1 chết khi đi lính nên không để lại di chúc. Ông K1 chết trước cụ bà Nguyễn Thị K nên bà T2 yêu cầu Tòa án giải quyết xác định thửa đất có diện tích 399,5m² thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn C, huyện C (nay là khu phố 5, phường HL, thị xã C), tỉnh Bình Phước hiện nay do ông Lữ Văn T1 đang quản lý, sử dụng là tài sản do ông bà nội là cụ ông Lữ Văn C2 và cụ bà Nguyễn Thị K chết để lại và yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất này, yêu cầu nhận 01 phần thừa kế thế vị từ cha là ông Lữ Văn K1 và yêu cầu nhận trị giá bằng tiền.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lữ Văn T1:

- Các ông bà Lữ Thị Kim H, Lữ Minh H1, Lữ Thị H2, Lữ Minh C, Lữ Thị C1 trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị T.

- Ông Lữ Minh Q trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông Lữ Minh Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lữ Thị T và bà Lữ Thị Thu T2 vì lý do thửa đất này là của cha mẹ ông là ông Lữ Văn T1 và bà Võ Thị S khai phá trước đây. Khi ông T1 còn sống thì có di chúc để lại toàn bộ tài sản cho ông Q. Ông Q không hề biết bà Lữ Thị Thu T2 là ai, bà T2 không có bằng chứng cho rằng bà là con ruột của ông Lữ Văn K1. Ông Q đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bà T2.

- Bà Lữ Thị H3 trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến như sau: Bà H3 là con của ông Lữ Văn T1; bà T là cô ruột của bà H3. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị T, bà H3 không có ý kiến gì vì không biết nguồn gốc của thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94, diện tích đất 399,5m², tọa lạc tại khu phố 5, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước là của ai. Nay bà H3 tham gia vụ án với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1 thì bà H3 yêu cầu được chia di sản thừa kế của ông Lữ Văn T1 theo quy định của pháp luật.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Ngọc H4 (vợ ông Q) trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lữ Thị T và bà Lữ Thị Thu T2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lữ Thị T, một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Thị Thu T2 về việc “*Tranh chấp tài sản thừa kế*”

Chia giao cho ông Lữ Minh Q thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 có diện tích đất 399,5 m² tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn C, huyện C (nay là khu phố 5, phường HL, thị xã C), tỉnh Bình Phước và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất trên (có sơ đồ kèm theo).

Ông Q có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia giao theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Lữ Minh Q thanh toán cho bà Lữ Thị T số tiền 2.123.404.550 đồng, thanh toán cho bà Lữ Thị Thu T2 số tiền là 2.123.404.550 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/10/2023, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lữ Minh Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm vì các lý do: Tài sản tranh chấp không phải là di sản do ông nội để lại mà là do cha mẹ ông để lại; ông không đồng ý chia thừa kế quy đổi bằng tiền; Tòa sơ thẩm chưa làm rõ giá trị pháp lý của di chúc do cha mẹ ông lập ngày 22/5/2012; cần xác định lại tư cách tham gia tố tụng của bà T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lữ Minh Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Ông Đỗ Hiền N - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà T đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Ông Trần Hoà A - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Q cho rằng đất là của ông T1 mua lại của người khác và khai phá thêm chứ không phải là di sản do ông nội ông Q để lại; đề nghị Tòa triệu tập những người làm

chứng trong vụ án phải có mặt tại phiên tòa để đối chất; Tòa sơ thẩm đã định giá căn nhà thấp hơn giá trị thực tế đồng thời đề nghị Tòa bác yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T2.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lữ Văn T1 đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lữ Minh Q, hủy Bản án sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C để giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lữ Minh Q làm trong thời hạn luật định, về hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

* Về nội dung tranh chấp:

Xét kháng cáo của ông Lữ Minh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về hàng thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận: vợ chồng cụ Lữ Văn C2 (đã chết năm 1974) và cụ Nguyễn Thị K (đã chết năm 1989) khi còn sống có 03 người con gồm: ông Lữ Văn T1 (đã chết năm 2020), bà Lữ Thị T và ông Lữ Văn K1 (đã chết năm 1972). Ông T1 có 08 người con gồm: bà Lữ Thị Thu V, bà Lữ Thị Minh H, ông Lữ Minh H1, bà Lữ Thị H2, ông Lữ Minh C, ông Lữ Minh Q, bà Lữ Thị H3 và bà Lữ Thị C1 (bà Lữ Thị C1 đã chết, bà có cH là ông Trần Văn T3, có 02 con là chị Trần Thị Thanh T4 và anh Trần Văn T5). Còn ông Lữ Văn K1 trước đây kết hôn với bà Nguyễn Thị Thu C3 vào ngày 25/3/1972, cùng năm ông K1 chết và bà C3 sinh được 01 con chung với ông K1 là bà Lữ Thị Thu T2.

[2] Như vậy, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C2 và cụ K gồm bà T, ông T1, ông K1; bà T2 là người thừa kế thế vị của ông K1; do bà S vợ của ông T1 đã chết nên những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T1 gồm các ông bà Lữ Thị Thu V, bà Lữ Thị Minh H, ông Lữ Minh H1, bà Lữ Thị H2, ông Lữ Minh C, ông Lữ Minh Q, bà Lữ Thị H3 và bà Lữ Thị C1 (những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm: ông T3 – cH, chị T4 và anh T5 – con ruột).

[3] Về nguồn gốc đất tranh chấp: bà T, bà T2 cho rằng diện tích đất 399,5m² thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn C, huyện C (nay là khu phố 5, phường HL, thị xã C), tỉnh Bình Phước là di sản do cụ C2 và cụ K để lại. Còn người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q thì cho rằng đất trên là do ông T1 và bà S trước đây mua của người đồng bào và khai phá thêm mà có nên không phải là di sản của cụ C2 và cụ K để lại. Như vậy, các bên có tranh chấp về nguồn gốc di sản thừa kế.

[4] Tuy nhiên, xét thấy việc giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm có một số thiếu sót, cụ thể:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Lữ Thị Thu V là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bị đơn ông Lữ Văn T1 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhưng theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án như Bệnh án tâm thần do Trung tâm điều dưỡng người bệnh tâm thần thuộc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội TP.HCM lập đối với bà Lữ Thị Thu V và các văn bản, giấy tờ liên quan khác do các cơ quan có thẩm quyền lập (từ bút lục 509 đến 529) thể hiện cũng như xác nhận của các đương sự tại Tòa thì bà V bị mắc bệnh tâm thần (Thuộc diện: Tâm thần lang thang) từ năm 2012 đến nay. Theo quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự thì:

“1. Những người sau đây vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó:

a) Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng;

b) Con thành niên mà không có khả năng lao động...”

[5] Căn cứ vào những văn bản, tài liệu và sự thừa nhận của các bên đương sự về sức khỏe tâm thần của bà V như đã nêu ở trên thì có cơ sở xác định bà V hiện nay thuộc trường hợp có khó khăn về nhận thức và điều khiển hành vi, không có khả năng lao động. Mặc dù, tại các bút lục 502, 503, 504 thể hiện vào ngày 01/6/2023 Tòa án cấp sơ thẩm có ban hành các Thông báo số 09/TB-TA và 10/TB-TA với nội dung thông báo cho các đương sự gồm các ông bà H, H1, H2, C, Q và H3 (là các anh chị em của bà V) *“trong thời hạn 30 ngày phải thực hiện các thủ tục yêu cầu tuyên bố bà V mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực Hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, điều khiển hành vi”* nhưng lại không thông báo cho bà T, bà T2 (do bà T, bà T2 đang là những người khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản liên quan đến bà V) là chưa toàn diện. Bên cạnh đó, trong trường hợp những đương sự được thông báo yêu cầu giải quyết việc dân sự trên mà không ai có yêu cầu giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của Tòa án, thì Tòa án cấp sơ thẩm vẫn phải cử người đại diện tham gia tố tụng cho bà V theo quy định tại Điều 88 Bộ luật dân sự thì mới đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà V. Trong khi Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nội dung bản di chúc của ông T1 và tuyên giao toàn bộ di sản cho ông Q được hưởng nhưng lại không cử người đại diện cho

bà V đề người này có ý kiến đối với quyền lợi của bà V theo quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự là chưa phù hợp. Thiếu sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm Tòa án cấp phúc thẩm thấy không thể khắc phục được do liên quan đến quyền kháng cáo của bà V.

[6] Ngoài ra, tại Đơn khởi kiện của bà T cũng như Đơn yêu cầu độc lập của bà T2 và trình bày của những người này trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà T, bà T2 đều không tranh chấp về tài sản trên đất mà chỉ yêu cầu chia tài sản thừa kế là diện tích đất 399,5m². Song, Tòa án cấp sơ thẩm lại tiến hành chia thừa kế cho các đương sự tài sản trên đất là căn nhà và nhà vệ sinh là vượt quá yêu cầu của đương sự.

[7] Xét thấy, những vi phạm trên của Tòa án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Để đảm bảo quyền kháng cáo của các đương sự, Tòa án cấp phúc thẩm thấy cần hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông Q được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lữ Minh Q không phải chịu.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của ông Lữ Minh Q là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lữ Văn T1 đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước; chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: được xem xét, quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lữ Minh Q không phải chịu. Hoàn trả cho ông Lữ Minh Q số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012500 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi Hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

Đinh Thị Quý Chi